



Trung tâm WTO và Hội nhập
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG

Tóm tắt Chương 9 – Đầu tư

Chương này bao gồm 02 nhóm nội dung chính:

- Các nguyên tắc chung trong đối xử của nước nơi nhận đầu tư trong CPTPP với nhà đầu tư đến từ các nước CPTPP khác: Các nguyên tắc (tiêu chuẩn ứng xử) này có thể được xếp thành 02 nhóm: một là các nguyên tắc mở cửa và bảo hộ đầu tư nói chung, hai là các nguyên tắc bảo đảm các quyền lợi cơ bản của nhà đầu tư. Chương này cũng nêu các ngoại lệ đối với các nguyên tắc này (trong đó có những hạn chế về mở cửa thị trường).
- Các cam kết liên quan tới thủ tục giải quyết tranh chấp đầu tư giữa Nhà đầu tư nước ngoài với Nhà nước nơi nhận đầu tư trong CPTPP

Phạm vi áp dụng

Các cam kết trong Chương Đầu tư (ngoại trừ một số cam kết được nêu rõ phạm vi khác) đều chỉ áp dụng cho nhà đầu tư và Khoản đầu tư của nhà đầu tư đến từ các nước Thành viên CPTPP khác. Đối với Việt Nam thì phạm vi này được hiểu như sau:

- *Nhà đầu tư CPTPP* được hiểu là nhà đầu tư (Nhà nước, doanh nghiệp hoặc công dân) của một nước CPTPP khác đang hoặc đã thực hiện đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, trường hợp nhà đầu tư CPTPP nhưng thuộc các trường hợp sau đây sẽ bị loại trừ, không được hưởng các quyền theo CPTPP:

- + được sở hữu hoặc kiểm soát bởi một Nhà nước, tổ chức hay cá nhân của một nước không phải thành viên CPTPP
- + được sở hữu hoặc kiểm soát của tổ chức, cá nhân Việt Nam
- + không có hoạt động kinh doanh đáng kể ở bất kỳ nước CPTPP nào ngoại trừ Việt Nam
- *Khoản đầu tư của nhà đầu tư CPTPP* được hiểu là bất kỳ khối tài sản nào mà nhà đầu tư CPTPP sở hữu hoặc kiểm soát một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, có tính chất đầu tư (bao gồm các đặc tính như cam kết dành một khoản vốn, với mục đích thu lợi nhuận và suy đoán là có rủi ro) ở Việt Nam.

Khoản đầu tư này bắt buộc phải tồn tại tại hoặc sau thời điểm CPTPP có hiệu lực với Việt Nam. Như vậy với các khoản đầu tư của các nhà đầu tư CPTPP đã thực hiện nhưng đã kết thúc hoặc chấm dứt trước khi CPTPP có hiệu lực với Việt Nam sẽ không được hưởng các quyền theo quy định của CPTPP.

Các nguyên tắc về đầu tư

(i) Nhóm các nguyên tắc mở cửa thị trường, xóa bỏ rào cản đầu tư

Nhóm này bao gồm 03 nguyên tắc cơ bản, được ghi nhận khá phổ biến trong nhiều FTA thời gian gần đây, bao gồm:

- *Các nguyên tắc về không phân biệt đối xử (National Treatment – NT và Most Favoured-Nation Treatment – MFN)*

Các nguyên tắc NT và MFN đòi hỏi Nhà nước nơi nhận đầu tư phải đối xử với các nhà đầu tư tới từ các nước CPTPP không kém hơn đối xử dành cho nhà đầu tư nội địa của mình (gọi là “đối xử quốc gia” – NT) và không kém hơn đối xử với bất kỳ nước nào khác (gọi là “đối xử tối huệ quốc” – MFN).

Tuy nhiên, CPTPP vẫn cho phép các nước được đặt ra các thủ tục/quy định riêng, khác biệt cho nhà đầu tư nước ngoài (so với nhà đầu tư trong nước), với điều kiện là các thủ

tục này không làm ảnh hưởng đáng kể tới mức độ bảo hộ nhà đầu tư theo các nguyên tắc CPTPP.

Ví dụ, Việt Nam vẫn có thể duy trì các quy định trong Luật Đầu tư 2014 với các thủ tục đăng ký đầu tư riêng đối với nhà đầu tư nước ngoài khác với thủ tục áp dụng cho nhà đầu tư trong nước.

- *Nguyên tắc liên quan tới “Các yêu cầu về hoạt động” (Performance Requirements)*

Nguyên tắc này cấm Nhà nước nơi nhận đầu tư đặt ra các yêu cầu bắt buộc liên quan tới:

- + Việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, hoạt động/vận hành của khoản đầu tư (kiểu như phải xuất khẩu một tỷ lệ nhất định sản phẩm sản xuất ra; phải đạt được một tỷ lệ nội địa hóa nhất định; phải mua, sử dụng sản phẩm cho một chủ thể nào đó được chỉ định; phải đảm bảo tỷ lệ nhất định giữa kim ngạch/giá trị xuất khẩu với khoản ngoại tệ được chuyển; phải chuyển giao công nghệ, quy trình hoặc kiến thức cụ thể nào đó cho một chủ thể nội địa...);
- + Mức giá, trị giá bản quyền theo hợp đồng li-xăng, hay thời hạn bắt buộc đối với hợp đồng này.

Nhà nước cũng bị cấm không được dùng các yêu cầu trên làm điều kiện để xem xét cấp hay không cấp các ưu đãi dành cho nhà đầu tư.

Tuy nhiên, các nước được phép đặt ra yêu cầu về việc sử dụng lao động nội địa trong các dự án đầu tư của các nhà đầu tư CPTPP.

Lưu ý: Khác với các nguyên tắc khác trong chương Đầu tư của CPTPP chỉ áp dụng đối với các biện pháp của một nước CPTPP mà có ảnh hưởng tới các nhà đầu tư và khoản đầu tư của nhà đầu tư đến từ các nước CPTPP khác, nguyên tắc “Các yêu cầu về hoạt động” sẽ phải áp dụng cho tất cả các khoản đầu tư nước ngoài trên lãnh thổ của nước CPTPP đó, dù khoản đầu tư đó là của các nhà đầu tư đến từ các nước CPTPP hay của các nhà đầu tư đến từ các nước ngoài CPTPP.

- *Nguyên tắc liên quan tới “Nhân sự quản lý cao cấp và Ban lãnh đạo”*

Nguyên tắc này không cho phép Nhà nước nơi nhận đầu tư đặt ra các yêu cầu về quốc tịch bắt buộc của nhân sự quản lý cao cấp hay Ban lãnh đạo.

Tuy nhiên, Nhà nước vẫn có quyền yêu cầu đa số các thành viên của Ban lãnh đạo doanh nghiệp đầu tư nước ngoài từ CPTPP phải có quốc tịch của một nước hoặc phải cư trú trên lãnh thổ nước mình.

(ii) *Nhóm các nguyên tắc nhằm đảm bảo các quyền lợi cơ bản của nhà đầu tư*

Nhóm này bao gồm 04 nguyên tắc nhằm đảm bảo một số quyền lợi cơ bản của nhà đầu tư, bao gồm:

- *Nguyên tắc “chuẩn đối xử tối thiểu” (Minimum Standard of Treatment – MST)*

“Chuẩn đối xử tối thiểu” được hiểu là theo nghĩa thông dụng là đối xử công bằng, thỏa đáng, bảo hộ an toàn, đầy đủ theo tập quán quốc tế. Tuy nhiên, do nội hàm khá chung chung này, “chuẩn đối xử tối thiểu” đã trở thành nguyên tắc gây tranh cãi khá nhiều trong các vụ kiện tụng về đầu tư khi mà nhà đầu tư thường dựa vào nguyên tắc này để phản đối bất kỳ quy định mới nào của nước nhận đầu tư bất lợi cho mình.

Trong CPTPP, đã có thêm một số nỗ lực để giới hạn phạm vi của nguyên tắc này. Cụ thể, CPTPP yêu cầu “chuẩn đối xử tối thiểu” phải là các nguyên tắc phù hợp với “tập quán pháp luật quốc tế”, được hiểu là các nguyên tắc quốc tế về bảo vệ đầu tư nước ngoài đã trở thành tập quán chung được các quốc gia áp dụng phổ biến và liên tục và coi đó như nghĩa vụ bắt buộc của mình.

Đặc biệt, CPTPP khẳng định việc Nhà nước có một biện pháp chính sách pháp luật hay thủ tục nào đó khác với dự kiến/mong đợi của nhà đầu tư CPTPP sẽ không bị coi là vi phạm “chuẩn đối xử tối thiểu”, kể cả khi việc làm đó của Nhà nước gây ra thiệt hại cho nhà đầu tư CPTPP. Quy định này nhằm hạn chế tình trạng nhà đầu tư kiện đòi Nhà nước bồi thường cho mình chỉ vì một chính sách mới nào đó của Nhà nước khiến lợi nhuận kinh doanh của nhà đầu tư không được như kỳ vọng trước đó của nhà đầu tư.

- ***Nguyên tắc Bảo vệ tài sản của nhà đầu tư trước các biện pháp tịch thu, cưỡng chế, quốc hữu hóa***

Với nguyên tắc này, Nhà nước chỉ được tịch thu, cưỡng chế hay quốc hữu hóa (gọi chung là tước quyền sở hữu) các khoản đầu tư của nhà đầu tư CPTPP vì mục đích công cộng. Đồng thời, các biện pháp này phải được thực thi theo cách không phân biệt đối xử, tuân thủ các quy trình và đảm bảo việc bồi thường nhanh chóng, chính xác, hiệu quả, đúng giá thị trường tại thời điểm liền trước việc tịch thu/cưỡng chế/quốc hữu hóa.

Chú ý là các hoạt động quản lý được thực thi không phân biệt đối xử, với mục tiêu bảo vệ các phúc lợi công cộng chính đáng như sức khỏe cộng đồng, an toàn và môi trường, sẽ không bị coi là các biện pháp tước quyền sở hữu gián tiếp trừ trong các trường hợp hãn hữ.

Ngoài ra, CPTPP cũng làm rõ rằng các quyết định không ban hành, không làm mới, hoặc không duy trì một khoản trợ cấp/cấp phát, hoặc quyết định điều chỉnh, cắt giảm một khoản trợ cấp/cấp phát sẽ không bị coi là hình thức “tước quyền sở hữu” nếu trước đó cơ quan Nhà nước không có cam kết cụ thể nào trong pháp luật hay hợp đồng về việc này và việc này được thực hiện phù hợp với các điều khoản, điều kiện liên quan trước đó.

- ***Nguyên tắc Bảo đảm việc chuyển vốn tự do***

Nhà nước nơi nhận đầu tư phải cho phép các nhà đầu tư tự do chuyển vốn liên quan tới khoản đầu tư (ví dụ vốn góp ban đầu, lợi nhuận, cổ phần, các khoản lãi, phí bản quyền, trị giá hợp đồng, bồi thường tranh chấp...).

Tuy nhiên, nguyên tắc này sẽ không áp dụng trong một số ngoại lệ (ví dụ nếu để bảo vệ các chủ nợ nội địa trong trường hợp nhà đầu tư CPTPP bị phá sản; nếu liên quan tới các tội hình sự hoặc các thủ tục tố tụng tại Tòa án...).

(iii) ***Các bảo lưu và ngoại lệ được CPTPP thừa nhận trong đối xử với nhà đầu tư nước ngoài***

Mặc dù đặt ra nhiều nguyên tắc chung về đầu tư, Chương Đầu tư của CPTPP vẫn có nhiều trường hợp ngoại lệ/bảo lưu, cho phép tất cả các nước hoặc một số nước không

phải tuân thủ các nguyên tắc chung nói trên. Các ngoại lệ này bao gồm nhóm ngoại lệ chung (mà tất cả các nước được áp dụng) và ngoại lệ riêng (chỉ áp dụng riêng cho từng nước).

- *Nhóm các ngoại lệ chung của Chương Đầu tư*

Nhóm này bao gồm ngoại lệ trong các trường hợp được liệt kê trong Điều 9.12 (mua sắm công, trợ cấp và hỗ trợ của Nhà nước, các ngoại lệ trong TRIPS của WTO...).

- *Nhóm các ngoại lệ/bảo lưu riêng của từng nước*

+ *Các Danh mục bảo lưu của từng nước CPTPP*

Các Danh mục này còn được biết tới dưới tên Danh mục các *Biện pháp không tương thích* (Xem Câu 47 thuộc Phụ lục I và II của CPTPP. Về nội dung, danh mục này là các bảo lưu đối với các nguyên tắc về mở cửa thị trường trong Đầu tư (Đối xử quốc gia, Đối xử tối huệ quốc, Yêu cầu về hoạt động, và Nhân sự quản lý cao cấp và Ban lãnh đạo). Các Danh mục này không có bảo lưu nào đối với các nghĩa vụ thuộc nhóm bảo đảm quyền lợi cơ bản của nhà đầu tư.

+ *Các Bảo lưu riêng khác*

Các nước có thể có bảo lưu riêng đối với Danh mục các biện pháp không tương thích (xem trình bày ở phần Mở cửa đầu tư dưới đây) và với các nghĩa vụ khác (được nêu cụ thể trong Hiệp định).

Mở cửa đầu tư

Trong CPTPP, các Thành viên cam kết mở cửa đầu tư theo phương thức chọn-bỏ (khác với phương thức mở cửa kiểu chọn-cho trong WTO).

Theo Chương 9 này, các Thành viên cam kết sẽ mở cửa các lĩnh vực đầu tư theo đúng các nguyên tắc nêu tại Chương 9 (tóm tắt ở trên) ngoại trừ các hạn chế đối với đầu tư trong các lĩnh vực nêu tại các Danh mục các biện pháp không tương thích, quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II của CPTPP (mỗi nước sẽ có 01 Danh mục riêng).

Các Danh mục này thực chất là các ngoại lệ/bảo lưu cho phép các nước CPTPP không phải tuân thủ một số các nghĩa vụ trong Chương Dịch vụ qua biên giới và Chương Đầu tư trong CPTPP. Mỗi Danh mục có cơ chế/nguyên tắc áp dụng riêng.

Phụ lục I: bao gồm các biện pháp không tương thích đang áp dụng tại thời điểm CPTPP có hiệu lực mà mỗi nước CPTPP *sẽ được tiếp tục áp dụng*; trường hợp *có sửa đổi* thì việc sửa đổi phải đáp ứng được hai nguyên tắc sau:

- Sửa đổi theo hướng không kém thuận lợi hơn so với biện pháp đó tại thời điểm Hiệp định có hiệu lực (nguyên tắc giữ nguyên trạng - “standstill”)
- Một khi đã sửa đổi lên một mức mới thuận lợi hơn, thì những sửa đổi sau đó sẽ không được kém thuận lợi hơn mức mới này (nguyên tắc chỉ tiến không lùi - “ratchet”).

Tuy nhiên, riêng với Việt Nam, đối với nguyên tắc “ratchet” về dịch vụ này được bảo lưu chỉ phải tuân thủ sau 3 năm kể từ khi CPTPP có hiệu lực.

Phụ lục II: bao gồm các biện pháp không tương thích mà nước Thành viên CPTPP *được phép áp dụng* mà không có hạn chế gì về thời gian (hiện tại hay tương lai) và cách thức (thuận lợi hơn hay khó khăn hơn).

Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước và Nhà đầu tư nước ngoài (ISDS)

Chương Đầu tư của CPTPP có một phần riêng (phần B) quy định về Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước nơi nhận đầu tư và nhà đầu tư nước ngoài (Investor-State Disputes Settlement –sau đây gọi tắt là ISDS).

Cơ chế ISDS này cho phép Nhà đầu tư CPTPP được kiện Nhà nước nơi nhận đầu tư ra Trọng tài quốc tế độc lập với Tòa án hay Cơ quan giải quyết tranh chấp của Nhà nước đó. Đối với Việt Nam, Cơ chế ISDS được hiểu là Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Nhà đầu tư CPTPP với Nhà nước Việt Nam hoặc tranh chấp giữa nhà đầu tư Việt Nam với Nhà

nước một nước CPTPP nơi họ đầu tư thực hiện bởi Trọng tài độc lập (thay vì Tòa án nhân dân các cấp, nếu ở Việt Nam hoặc Tòa án nội địa, nếu ở nước CPTPP khác).

Về phạm vi, cơ chế ISDS trong CPTPP được áp dụng đối với tất cả các nước CPTPP trừ một số trường hợp bảo lưu cụ thể hoặc các nước có thỏa thuận riêng.

Ví dụ, giữa Việt Nam và New Zealand có một Thư song phương về cơ chế ISDS trong đó hai bên thống nhất sẽ không sử dụng cơ chế này trong giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và Chính phủ của hai bên. Cụ thể, nếu tranh chấp xảy ra thì nhà đầu tư và Chính phủ sẽ giải quyết một cách thiện chí thông qua tham vấn và thương lượng. Tuy nhiên, nếu tranh chấp giải quyết theo hình thức trên không được giải quyết trong vòng 6 tháng thì nhà đầu tư có thể yêu cầu giải quyết bằng trọng tài ISDS nhưng phải được sự chấp thuận của Chính phủ nước nhận đầu tư (Việt Nam hoặc New Zealand). Điều này có nghĩa là ngay cả khi tranh chấp không thể giải quyết được qua tham vấn và thương lượng thì cơ chế ISDS cũng không được mặc nhiên sử dụng mà phải được sự đồng ý của nước bị kiện.

(i) Phạm vi và điều kiện khởi kiện ISDS

- Chủ thể được quyền khởi kiện (Nguyên đơn): Nhà đầu tư CPTPP

Nhà đầu tư CPTPP có quyền khởi kiện (i) nhân danh mình hoặc (ii) nhân danh doanh nghiệp Việt Nam mà nhà đầu tư CPTPP sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp.

Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư CPTPP là cá nhân có quốc tịch Việt Nam và cư trú thường xuyên tại một nước CPTPP thì không được quyền kiện Nhà nước Việt Nam theo Cơ chế này.

Các nhà đầu tư Việt Nam không được sử dụng Cơ chế này đối với Việt Nam.

- Chủ thể bị kiện (Bị đơn):

+ Các Cơ quan Nhà nước Việt Nam cấp trung ương, địa phương;

+ Bất kỳ chủ thể nào (các doanh nghiệp Nhà nước hoặc chủ thể nào khác), khi thực thi chức năng của Chính phủ do các Cơ quan Nhà nước Việt Nam cấp trung ương hoặc địa phương ủy quyền.

- ***Căn cứ để khởi kiện:***

+ Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ của mình theo quy định tại Chương Đầu tư của CPTPP; và

+ Nguyên đơn phải chịu tổn thất hoặc thiệt hại vì lý do hoặc xuất phát từ vi phạm này của Bị đơn.

- ***Sự chấp thuận của Nhà nước bị kiện:***

Bằng cam kết trong CPTPP, các nước CPTPP được coi là đã chấp thuận việc có thể bị khởi kiện bởi các nhà đầu tư CPTPP ra Trọng tài theo Cơ chế ISDS của CPTPP một cách tự động.

Và vì vậy một vụ việc có thể được khởi xướng chỉ bằng yêu cầu kiện ra Trọng tài đơn phương của nhà đầu tư mà không cần có văn bản chấp thuận cụ thể nào của Nhà nước bị kiện.

- ***Thời hiệu khởi kiện:*** 3,5 năm kể từ ngày Nguyên đơn biết hoặc buộc phải biết về vi phạm của Bị đơn và biết về thiệt hại, tổn thất liên quan.

- ***Về quyền khiếu kiện/khiếu nại theo cơ chế khác***

Song song với kiện theo Cơ chế ISDS, Nguyên đơn vẫn có quyền thực hiện các khiếu nại, khiếu kiện đề nghị áp dụng biện pháp tạm thời (nhưng không phải là kiện đòi bồi thường thiệt hại) ra Tòa án hay cơ quan hành chính của Nước nơi nhận đầu tư.

Bảo lưu riêng của Việt Nam về vấn đề này: nhà đầu tư CPTPP sẽ mất quyền khởi kiện theo Cơ chế ISDS nếu đã khiếu nại vụ việc theo thủ tục khiếu nại hành chính hoặc khởi kiện ra Tòa án của Việt Nam.

(ii) ***Thủ tục tố tụng ISDS***

CPTPP quy định khá chi tiết về nhiều vấn đề liên quan tới thẩm quyền, thủ tục tố tụng giải quyết tranh chấp theo cơ chế ISDS. So với các cơ chế ISDS từng được đưa vào các FTA trước đây trên thế giới, CPTPP được cho là đã bổ sung các quy định theo hướng

tăng tính minh bạch của quá trình tố tụng, mở rộng diện tham gia ý kiến bình luận và hạn chế tình trạng lạm dụng việc đi kiện. Cụ thể:

- ***Cơ quan giải quyết tranh chấp:***

+ Trọng tài ICSID (bao gồm cả cơ chế Trọng tài chính thức và Cơ chế Trọng tài phụ trợ của ICSIS) nếu một trong hai Bên hoặc cả hai là thành viên Công ước ICSID về giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế năm 1965;

+ Trọng tài theo nguyên tắc tố tụng UNCITRAL; hoặc

+ Bất kỳ thiết chế hoặc quy tắc trọng tài nào mà Nguyên đơn và Bị đơn thống nhất được với nhau.

- ***Thủ tục khởi kiện theo Cơ chế ISDS:*** Quy trình khởi kiện ISDS được quy định khá chi tiết trong CPTPP.

Cụ thể, để khởi kiện, trước hết Nguyên đơn và Bị đơn phải tìm giải pháp giải quyết tranh chấp thông qua (i) tham vấn, đàm phán trực tiếp hoặc (ii) qua các chủ thể trung gian hòa giải trên cơ sở yêu cầu tham vấn chính thức bằng văn bản của Nguyên đơn gửi Bị đơn.

Chỉ khi sau 06 tháng kể từ ngày Bị đơn nhận được yêu cầu tham vấn mà tranh chấp không thể được giải quyết theo các cách nói trên thì lúc này Nguyên đơn mới có thể khởi kiện ra Trọng tài quốc tế theo ISDS.

- ***Thủ tục tố tụng theo Cơ chế ISDS*** được quy định trong Chương Đầu tư của CPTPP và sẽ áp dụng bắt buộc cho tất cả các tranh chấp giải quyết theo Cơ chế được cho là đã bổ sung một số điểm nhằm tăng cường tính minh bạch của quy trình, tính khách quan của trọng tài và hạn chế các khiếu kiện vô lý (chỉ khiếu kiện để “đọa”/gây sức ép đối với Nhà nước nơi nhận đầu tư).

Từ góc độ Nhà nước nơi nhận đầu tư, mặc dù cơ chế trong CPTPP có một số yêu cầu tố tụng ràng buộc không thật có lợi cho Việt Nam, so với các Hiệp định bảo hộ thương mại đầu tư (có chứa cam kết ISDS), CPTPP với những cam kết chi tiết về tố tụng được cho là hiệu quả hơn trong việc ngăn chặn tình trạng lạm dụng kiện ISDS để gây sức ép cho Nhà

nước hoặc trọng tài quốc tế không đáp ứng các yêu cầu về tính khách quan, quy trình thiếu chặt chẽ...

Một số ví dụ về các quy tắc tố tụng bắt buộc trong Cơ chế ISDS của CPTPP

Nguyên tắc về lựa chọn trọng tài

- Mỗi bên tranh chấp chọn một trọng tài viên của mình, và trọng tài viên thứ ba phải do cả hai bên thống nhất lựa chọn.
- Các nước CPTPP sẽ thống nhất hướng dẫn về lựa chọn trọng tài viên cũng như về các điều kiện đảm bảo tính khách quan, độc lập của trọng tài viên trước khi CPTPP có hiệu lực.

Rà soát nhanh để ngăn chặn các khiếu kiện vô lý

- Có thủ tục cụ thể để Hội đồng trọng tài xem xét nhanh các phản đối của Bị đơn về việc trọng tài không có thẩm quyền hoặc về việc đơn kiện của Nguyên đơn là hoàn toàn không có căn cứ pháp lý. Nếu Hội đồng trọng tài đi tới kết luận ủng hộ Bị đơn thì có thể phán quyết dừng vụ việc và yêu cầu Nguyên đơn phải trả các chi phí tố tụng và tư vấn của cả hai bên.
- Nếu Nguyên đơn mới chỉ đang ở giai đoạn “chuẩn bị đầu tư” thì ngay cả khi Nguyên đơn được phán quyết thắng kiện, thì khoản bồi thường mà Bị đơn phải trả cũng chỉ giới hạn ở các thiệt hại gắn với “chuẩn bị đầu tư” đó mà thôi, và Nguyên đơn phải chứng minh được vi phạm của Bị đơn là nguyên nhân dẫn tới thiệt hại đó.

Nguyên tắc minh bạch trong thủ tục tố tụng

- Các nghĩa vụ cụ thể của Bị đơn trong việc công khai các tài liệu: thông báo ý định khởi kiện, thông báo trọng tài, các tài liệu, biện luận, phản biện được trình ra Hội đồng trọng tài, các biên bản hoặc bản ghi phiên điều trần, các lệnh, quyết định, phán quyết của Hội đồng trọng tài trừ các thông tin mà các bên khi trình Hội đồng trọng tài yêu cầu để ở chế độ mật...

- Các phiên điều trần phải được tiến hành công khai (công chúng có thể tiếp cận) và quy định quyền đệ trình ý kiến của các bên liên quan (trong đó có công đoàn, các tổ chức xã hội...).
- Trên thực tế, đây là nguyên tắc đi ngược lại bản chất “bí mật/kín” của thủ tục trọng tài. Việc minh bạch vụ tranh chấp có thể có lợi (ví dụ nếu có thể tranh thủ được sự ủng hộ của nhóm nào đó) nhưng cũng có thể bất lợi cho Nhà nước là Bị đơn trong các vụ tranh chấp theo cơ chế ISDS (ví dụ nếu các nhà đầu tư CPTPP khác cũng sử dụng các lập luận tương tự để đi kiện, hoặc các nhóm bảo vệ lợi ích của các nhà đầu tư CPTPP tham gia vào quá trình tố tụng tạo lợi thế cho nhà đầu tư...).